

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ
khuyến nông Trung ương**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về Khuyến nông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:

a) Xây dựng, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh, kiểm tra, tổng kết, đánh giá chương trình khuyến nông Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

b) Xây dựng, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh, kiểm tra, nghiệm thu, quyết toán dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, thực hiện chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông Trung ương trên phạm vi cả nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình khuyến nông Trung ương* (viết tắt là chương trình) là chương trình khuyến nông thực hiện trong giai đoạn 05 năm, 10 năm do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (viết tắt là Bộ trưởng) phê duyệt, gồm: tên chương trình; mục tiêu khái quát; các nội dung hoạt động khuyến nông chính; địa bàn triển khai; kết quả dự kiến theo từng lĩnh vực, sản phẩm chủ lực.

2. *Dự án khuyến nông Trung ương* (viết tắt là dự án) là dự án khuyến nông phù hợp với chương trình khuyến nông Trung ương, thời gian thực hiện từ 01 đến 03 năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (viết tắt là Bộ) phê duyệt, gồm: tên dự án; mục tiêu; dự kiến kết quả; địa bàn triển khai và thời gian thực hiện; tên tổ chức được giao chủ trì dự án hoặc áp dụng phương thức đấu thầu để lựa chọn tổ chức chủ trì dự án và kinh phí thực hiện dự án; phạm vi dự án được thực hiện từ 02 tỉnh trở lên, trừ trường hợp đặc thù do Bộ trưởng quyết định.

3. *Kế hoạch khuyến nông hàng năm* là tập hợp các nội dung hoạt động khuyến nông thực hiện trong năm kế hoạch đã được Bộ phê duyệt.

4. *Mô hình trình diễn* (viết tắt là mô hình) là một nội dung của dự án khuyến nông được thực hiện nhằm áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, tiến bộ về quản lý, có quy mô phù hợp để làm mẫu nhân ra diện rộng.

5. *Điểm trình diễn* là cụ thể hoá của mô hình được thực hiện tập trung tại một điểm sản xuất với quy mô phù hợp đối với từng dự án.

6. *Nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên* là các nhiệm vụ khuyến nông được thực hiện thường xuyên hàng năm để phục vụ hoạt động chung của hệ thống khuyến nông cả nước và các nhiệm vụ chung của Bộ, ngành (không trùng với các nội dung thuộc các chương trình, dự án khuyến nông đã phê duyệt), gồm các nhóm nhiệm vụ sau:

a) Thông tin tuyên truyền: hội thi, hội chợ, diễn đàn, tọa đàm, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng; bản tin và trang tin điện tử Khuyến nông Việt Nam; xây dựng cơ sở dữ liệu, tài liệu khuyến nông;

b) Đào tạo huấn luyện: tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ khuyến nông các cấp và các đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông; xây dựng học liệu khuyến nông; khảo sát học tập trong và ngoài nước;

c) Hội nghị khuyến nông (cấp vùng, miền, toàn quốc);

d) Hợp tác quốc tế về khuyến nông;

đ) Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động khuyến nông;

e) Quản lý, kiểm tra, đánh giá hoạt động khuyến nông.

Điều 3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm dự án

1. Tổ chức chủ trì dự án phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có chức năng, nhiệm vụ khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật hoặc có bộ phận chuyên trách về hoạt động khuyến nông phù hợp với lĩnh vực, sản phẩm của dự án;

b) Trong 2 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ không thuộc một trong các trường hợp sau: đã chủ trì dự án khuyến nông có kết quả nghiệm thu ở mức “không đạt”; giao nộp sản phẩm không đúng hạn mà không có ý kiến chấp thuận

của Bộ; sử dụng kinh phí dự án khuyến nông không đúng mục đích và quy định của pháp luật.

2. Chủ nhiệm dự án phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Có trình độ đại học trở lên; có ít nhất 05 năm hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nội dung của dự án; có ít nhất 03 năm hoạt động khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật;

b) Trong 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ không thuộc một trong các trường hợp sau: chủ trì nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp Nhà nước, hoặc dự án khuyến nông có kết quả nghiệm thu ở mức “không đạt” hoặc có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, dự án;

c) Mỗi cá nhân chỉ làm chủ nhiệm 01 dự án khuyến nông trong cùng thời gian, trường hợp từ 02 dự án trở lên do Bộ quyết định.

3. Trong trường hợp cần thiết, Bộ quyết định lựa chọn cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 4. Chi quản lý chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

1. Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông và theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức chi theo các quy định sau:

a) Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

b) Điều 1, 2 và 3 Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí;

c) Các quy định pháp luật hiện hành khác.

Điều 5. Định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông

1. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và chuyên gia (nếu cần thiết).

3. Căn cứ kết quả thẩm định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông.

Chương II

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

Điều 6. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt chương trình khuyến nông Trung ương

1. Căn cứ chủ trương, định hướng phát triển của ngành và nhu cầu thực tiễn sản xuất, vào thời điểm xây dựng kế hoạch trung hạn 05 năm, 10 năm của Ngành hoặc khi có chỉ đạo đột xuất, Tổng cục, Cục chuyên ngành đề xuất chương trình khuyến nông Trung ương theo từng lĩnh vực, sản phẩm chủ lực (mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

2. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, đề xuất chương trình khuyến nông Trung ương, tổ chức lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố và gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường kèm theo báo cáo quá trình xây dựng, lấy ý kiến.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Vụ Kế hoạch, Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và chuyên gia (nếu cần thiết).

4. Căn cứ kết quả thẩm định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hoàn thiện chương trình, trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng đặt hàng một số chương trình khuyến nông Trung ương.

5. Chương trình khuyến nông Trung ương được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

Điều 7. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt danh mục dự án

1. Căn cứ Chương trình khuyến nông đã được phê duyệt và nhu cầu thực tiễn sản xuất, Trung tâm khuyến nông cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 3 của Thông tư này đề xuất dự án và đăng ký chủ trì (mẫu 02 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.

2. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổng hợp, xây dựng Danh mục dự án gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trước ngày 30 tháng 5 hàng năm.

3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và chuyên gia (nếu cần thiết).

4. Căn cứ kết quả thẩm định, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ xem xét, phê duyệt danh mục dự án trước ngày 31 tháng 8 hàng năm. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng đặt hàng một số dự án khuyến nông Trung ương.

5. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường công bố danh mục dự án trên trang thông tin điện tử của Bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

Điều 8. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án giao trực tiếp

1. Xây dựng hồ sơ dự án

a) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia thông báo và hướng dẫn tổ chức chủ trì xây dựng hồ sơ dự án;

b) Hồ sơ dự án gồm: tóm tắt hoạt động của tổ chức chủ trì (mẫu 03 ban hành kèm theo Thông tư này); lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án (mẫu 04 ban hành kèm theo Thông tư này); thuyết minh dự án (mẫu 05 ban hành kèm theo Thông tư này); giấy xác nhận phối hợp thực hiện dự án (mẫu 06 ban hành kèm theo Thông tư này); văn bản xác nhận triển khai dự án tại địa phương (mẫu 07 ban hành kèm theo Thông tư này); cam kết đóng góp vốn đối ứng (nếu có);

c) Các nội dung hoạt động khuyến nông thực hiện trong dự án bao gồm: xây dựng mô hình; nhân rộng mô hình (đào tạo, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo đầu bờ); quản lý dự án. Nội dung xây dựng mô hình thuộc các dự án do cơ quan Trung ương, doanh nghiệp chủ trì phải có sự tham gia của Trung tâm khuyến nông cấp tỉnh. Nội dung nhân rộng mô hình do tổ chức chủ trì phối hợp với Tổng cục, Cục chuyên ngành, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thực hiện;

d) Tổ chức chủ trì dự án xây dựng 01 bộ hồ sơ dự án gửi về Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo. Ngày nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu của bưu điện hoặc dấu đến của văn thư Trung tâm Khuyến nông Quốc gia. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hướng dẫn tổ chức chủ trì dự án gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường 08 bộ hồ sơ hoàn thiện để tổ chức thẩm định hồ sơ dự án.

2. Thẩm định hồ sơ dự án

a) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Vụ Tài chính, Tổng cục, Cục chuyên ngành và chuyên gia (nếu cần thiết) tổ chức thẩm định hồ sơ dự án;

b) Tổ chức chủ trì dự án hoàn thiện hồ sơ dự án gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp thẩm định.

3. Phê duyệt dự án

a) Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ phê duyệt dự án trước ngày 31 tháng 10 hàng năm;

b) Căn cứ quyết định phê duyệt của Bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phê duyệt thuyết minh dự án.